

Bản án số: 194 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/07/2023

V/v Ly hôn, nuôi con chung

giữa chị Q, anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Lại Minh Khôi – Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 77/2023/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm 11, xã Hải C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm 11, xã Hải C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ: 11, xã Hải C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Chị Q, bà T xin vắng mặt; anh T vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nam Dong, huyện Cur Jut, tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/01/2015. Sau

khi kết hôn, chị Q và anh T chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh T một thời gian thì cùng nhau lên Hà Nội làm kinh tế thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống ,vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích cãi chửi nhau. Từ tháng 9/2022 đến nay, hai người đã sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Q làm đơn xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn H A, sinh ngày 20/11/2017, hiện cháu An đang ở cùng với chị Q. Khi ly hôn chị Q xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang làm nghề làm tóc tại Hà Nội, thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ: Không có nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, không đưa ra lý do vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q.

Tại Bản tự khai ngày 05/5/2023, bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của anh Lê Văn T trình bày: Bà Tuyết xác nhận anh T và chị Q kết hôn với nhau năm 2015. Sau khi kết hôn anh T chung sống với chị Q tại nhà bà một thời gian thì cùng nhau lên Hà Nội làm kinh tế. Thời gian gần đây bà có nghe anh T nói vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do con trai bà đi làm kinh tế không thuận lợi nên không có tiền. Quan điểm của bà không muốn anh T và chị Q ly hôn vì cả hai đều theo đạo Thiên chúa, giáo lý không cho phép ly hôn. Bà đề nghị Tòa án hoà giải để anh T, chị Q đoàn tụ. Về con chung, chị Q, anh T có 01 con chung như chị Q đã trình bày. Về tài sản chung không có. Anh T là con trai bà đã nhận được các văn bản, tài liệu của Tòa án nhưng do công việc bận nên anh T không về Tòa án làm việc được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt không có lý do nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị Q ly hôn với anh Lê Văn T. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Hải An cho chị Q nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Tuyết là người làm chứng xin vắng mặt; anh Lê Văn T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 02, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Q, anh T, bà T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Nam Dong, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông đăng ký kết hôn ngày 19/01/2015. Chị Q, anh T cùng làm kinh tế tại thành phố Hà Nội nhưng do mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 9/2022 đến nay hai người đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Nay chị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị xin được ly hôn với anh T.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q thì thấy: Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp, quan điểm lối sống khác nhau, đến nay chị Q và anh T đã có thời gian sống ly thân lâu, nhưng cả hai người không có biện pháp nào để hai người về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn T có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Hải An, sinh ngày 20/11/2017, hiện cháu An đang do chị Q nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của chị Q xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu An; chị Q không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị Q thì thấy: Cháu Lê Nguyễn Hải An đang do chị Q nuôi dưỡng, chị Q có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, anh T không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung cần tiếp tục giao cháu An cho chị Q nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị Q không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Q nên về nghĩa cấp dưỡng nuôi con Tòa án không xem xét, giải quyết; anh Lê Văn T có mọi quyền và nghĩa vụ đối với cháu An là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Lê Văn T không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến về tài sản chung cũng như về nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng nên không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này anh T có yêu cầu Tòa án giải

quyết tranh chấp về tài sản, nghĩa vụ về tài sản trong thời kỳ hôn nhân với chị Nguyễn Thị Q thì sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Nguyễn H A, sinh ngày 20/11/2017 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung thành niên. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Q. Hai bên có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006611 ngày 22/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị Q đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải C;
- Dương sự;
- Hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái